

# CÔNG TY CỔ PHẦN TM DV XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐỊA ỐC THỊNH GIA

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TM DV XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐỊA ỐC THỊNH GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY CP TM DV XD PT ĐỊA ỐC THỊNH GIA

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702813636

**3. Ngày thành lập:** 25/09/2019

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 65 đường GS1, Khu phố Tây B, Phường Đông Hòa, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết : Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở, Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở, Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở, Kinh doanh bất động sản khác | 6810(Chính)                                                  |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                    | 6820                                                         |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4101                                                         |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4102                                                         |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4212                                                         |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4222                                                         |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4299                                                         |
| 8.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311                                                         |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312                                                         |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321                                                         |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                | 4322                                                         |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330                                                         |
| 13. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7110                                                         |
| 14. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)                                                                                                                       | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 25/09/2019 đến ngày 25/10/2019

Mệnh giá cổ phần:

## 7. Số cổ phần được quyền chào bán:

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | Áp Bến Giằng, Xã Phú An, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông         | 1.000.000  | 10.000.000.000        | 50,000    | 281031418                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 1.000.000  | 10.000.000.000        | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐẬU THANH VIỆT   | Khu phố 6, Phường Thiện An, Thị xã Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông         | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    | C7932273                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                          |                           |         |               |        |           |
|---|------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 3 | NGUYỄN VĂN KHÁNH | Áp 1, Xã Xuân Quế, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 600.000 | 6.000.000.000 | 30,000 | 272513278 |
|   |                  |                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                  |                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                  |                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                  |                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                  |                                                          | Tổng số                   | 600.000 | 6.000.000.000 | 30,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/07/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 281031418

Ngày cấp: 15/02/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Bến Giằng, Xã Phú An, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Bến Giằng, Xã Phú An, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương